

# CƠN LŨ NĂM ẤT DẬU VỚI VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC CÁCH MẠNG TRONG NHỮNG NGÀY ĐẦU GIÀNH CHÍNH QUYỀN Ở ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ THỜI KỲ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

PHẠM QUANG TRUNG

(Viện Sử học)

Dường như trong cùng một lúc, cơn lũ năm Ất Dậu và cao trào khởi nghĩa giành chính quyền diễn ra trên khắp Đồng bằng Bắc Bộ vào tháng 8 năm 1945. Đúng vào thời điểm lệnh phát hịch khởi nghĩa (quân lệnh số 1) được ban ra từ căn cứ địa Tân trào ngày 13-8-1945 thì cũng là lúc đầu tiên ở Đồng bằng Bắc Bộ bị vỡ tại địa phận thuộc Vĩnh Bảo (Hải Phòng). Vào thời điểm khởi nghĩa giành chính quyền đang ở đỉnh cao nhất tại thủ đô Hà Nội thì đỉnh lũ tại đây cũng đạt cực lực trong lịch sử, tính đến lúc đó (từ 16h đến 19h ngày 18-8-1945 mực nước sông Hồng tại Cầu Long Biên đạt tới cao độ 12,33m, tức là vượt mức lũ 12,30m của năm 1940 vẫn được coi là kỷ lục mà số liệu thủy văn của chế độ thực dân ghi nhận được - và đến 8h sáng ngày 19-8-1945 tới 16 giờ cùng ngày tức là đúng vào lúc Hà Nội đang sôi động trong khí thế khởi nghĩa với cuộc biểu tình thị uy giành chính quyền ở những cơ quan đầu não của chế độ cũ, thì mực nước sông Hồng cũng lên đến đỉnh cao nhất 12,68m, đây là mực nước chưa từng có trong lịch sử thủy văn của con sông Hồng tại địa bàn Hà Nội). Và tình trạng tương tự cũng diễn ra ở hầu như khắp các vùng thuộc Đồng bằng Bắc Bộ. Số liệu thủy văn quan sát được lúc đó cho thấy: từ 12h đến 16h ngày 18-8 tại Phả Lại mực nước lũ sông Thái Bình lên đến độ cao 5,61m; tại Hải Dương: 3,27m; tại Việt Trì 17,40m (20-8); tại Sơn Tây 15,15m (20-8); tại Hòa Bình 31,12m (29-8); tại Đáp Cầu (19-9). Như vậy mực nước vượt xa ngoài dự kiến khi thiết kế hệ thống trị thủy của các nhà kỹ sư thực dân (lấy cao độ 12m tại Hà Nội để làm chuẩn).

Hiện trạng mang số hiệu 180 m của người phụ trách cơ quan quản lý đê điều vào thời điểm tháng 8 cũng nhiều ghi chép tỉ mỉ lúc đó về tình hình lũ lụt ở Bắc Bộ cũng như tấm bản đồ Bắc Bộ ghi rõ mọi dữ kiện về nạn "Hồng thủy" năm 1945 hiện còn đang được lưu giữ tại kho lưu trữ TW cho phép chúng ta có thể dựng lại được bức tranh toàn cảnh của cảnh quan thiên nhiên ở Bắc Bộ đang diễn ra những biến động xã hội sâu sắc nhất. Cơn lũ, nạn vỡ đê, sự tàn phá môi trường sống ngành kinh tế chủ yếu nhất của cư dân Bắc Bộ... đương nhiên sẽ tác động mạnh mẽ, toàn diện đời sống của toàn xã hội và cũng là thách thức nghiêm trọng đối với bất kỳ bộ máy chính quyền nào đang quản lý xã hội.

Thực tế cho thấy, sự song trùng giữa hai hiện tượng thiên nhiên (cơn lũ) và xã hội (cuộc cách mạng) đã tác động mạnh mẽ lên nhau, và để lại dấu ấn đậm nét trong hình thái diễn biến của cuộc

Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 ở nhiều địa phương thuộc Bắc Bộ. Riêng ở góc độ khảo sát chức năng của nhà nước đối với một trong những lĩnh vực quan trọng bậc nhất (của các nhà nước phương Đông) - tức là chức năng trị thủy, trong giai đoạn tháng 8-1945, một mặt chúng ta sẽ thấy được sự lực của chế độ cũ, mà cụ thể là sự tê liệt hoàn toàn của chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim đã dựng lên sau cuộc đảo chính của phát xít Nhật (3-1945); mặt khác, khẳng định vai trò của chính quyền mới của nhân dân vừa được thành lập, mà tiêu biểu là tổ chức Việt Minh.

2. Miền Bắc nước ta nói chung, đồng bằng Bắc Bộ nói riêng, do bị chi phối bởi những đặc điểm về địa hình, khí hậu, thủy văn nên luôn bị nạn úng lụt đe dọa. Đối với một cư dân nông nghiệp nước ta, lũ lụt được coi như tai họa số một, "nhất thủy nhì hỏa". Cũng do đó lũ lụt trở thành một thử thách nghiêm trọng nhất, trị thủy là thước đo quan trọng nhất năng lực quản lý kinh tế - xã hội của mọi cấp chính quyền.

Nhận thức rõ điều đó, vì những lợi ích kinh tế (trong việc khai thác nông nghiệp đồng bằng Bắc Bộ) cũng như nhằm ổn định trật tự xã hội chính trị của xứ thuộc địa, suốt 80 năm đô hộ nước ta, chính quyền Pháp đã rất chú trọng đến vấn đề trị thủy và thủy lợi ở vùng này. Đó là một sự thật không ai muốn phủ nhận. Dựa vào bộ máy làng xã và nhất là vào chế độ thuế thân, lao dịch rất khắc nghiệt, trong điều kiện đã xuất hiện những tri thức và kỹ thuật hiện đại, chính quyền Pháp ở Bắc Bộ đã từng bước thực hiện kế hoạch nhằm khắc phục hạn chế nạn lũ lụt thường xuyên đe dọa; đặc biệt sau trận lũ năm 1915. Cho tới 1926, một kế hoạch củng cố hoàn thiện hệ thống trị thủy ở Đồng bằng Bắc Bộ, với việc ưu tiên xử lý hệ thống đê sông Hồng, đã cơ bản hoàn thành. Kế hoạch này bao gồm việc xây dựng một hệ thống đê được tôn cao ngang với cao độ 12,50m tại Hà Nội là chủ yếu, cộng với cả một hệ thống các hồ, đập để thoát nước và phân lũ; mặt đê được đắp rộng 6m, với tổng khối lượng đất đào đắp từ 1918 đến 1926 là 12,5 triệu m<sup>3</sup>. Ngay liền sau đó, trong 20 năm liên tục, chính quyền thực dân lại huy động lao dịch đào đắp thêm 40 triệu m<sup>3</sup> đất, chi phí tới 16,5 triệu đồng. Đặc biệt phân lũ, ngày 21-3-1937, công trình đập Đáy được hoàn thành với một quy mô lớn chưa từng có. Đập Đáy theo thiết kế sẽ có sức thoát nước 3.700m<sup>3</sup>/giờ, được coi là công trình phân lũ lớn nhất thế giới cơ bản giải quyết được nạn vỡ đê sông Hồng.

Trên thực tế từ năm 1926 trở đi nạn vỡ đê ở Bắc Bộ giảm hẳn, và từ 1936 nhiều nhà chuyên môn đã vội khẳng định rằng về cơ bản đã trị thủy được khu vực Bắc Bộ. Nhiều chính khách thực dân đã tuyên bố "công lao vĩ đại" của công cuộc khai hóa của chính quyền thuộc địa trước hết là ở chỗ đã cơ bản giải quyết được vấn đề trị thủy ở Bắc Bộ.

Tuy nhiên cũng cần phải nhấn mạnh rằng do mục tiêu thực dân của công cuộc khai phá thuộc địa việc nỗ lực trị thủy trên đã không làm giảm đi những mâu thuẫn giai cấp và dân tộc ngày càng trở nên gay gắt trong xã hội thuộc địa. Nhưng đây lại là một vấn đề khác mà bài viết này không có mục đích bàn sâu.

3. Năm 1945, những dấu hiệu bùng nổ của một cuộc cách mạng đang đi đến chín muồi. Từ 3-1945, Nhật làm cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Pháp, chính phủ Trần Trọng Kim được dựng

một bối cảnh chính trị - xã hội đang gay gắt; cao trào cách mạng của quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh ngày một mạnh mẽ. Nạn đói này sinh từ cuối 1944 đang hoành hành dữ dội; máy bay của quân Đồng minh hoạt động mạnh, phong tỏa mọi đường tiếp cận và gần như cắt đứt được mọi mạch giao thông vận chuyển lương thực từ Nam ra Bắc. Chiến tranh - đói kém làm cho đời sống của nhân dân Bắc Bộ trở nên điêu tàn hơn bao giờ hết. Cũng chính vào lúc đó, từ đầu 1945, ngay từ 6-1945 những dấu hiệu được báo bằng những cơn mưa lớn đã báo trước một năm thời tiết thất thường. Trước tình hình đó, nha công chính Bắc Bộ - cơ quan quản lý toàn bộ hệ thống trị nước ở Bắc Bộ - đã có một bản tường trình dày tới 40 trang phân tích và báo động dự kiến vỡ đê vào mùa mưa. Căn cứ vào tường trình này, phủ Khâm sai Bắc Bộ của chính phủ Trần Trọng Kim ra một bản dự thảo số 536/PN để ngày 25-6-1945 vạch ra một kế hoạch hộ đê. Nhưng kế hoạch này chỉ là một bản ghi trên giấy, vì lúc này chính phủ Trần Trọng Kim chỉ tồn tại như một nội các hình thức và bộ máy chính quyền từ các cơ quan trung ương đến các địa phương hầu như tê liệt; bộ máy lãnh đạo các hoạt động xã hội gần như bỏ ngõ. Tại cơ quan "Thủy nông công chính" Bắc Bộ, hơn 100 chuyên viên - bao gồm phần lớn là các viên chức chuyên môn người Pháp - bị thất hồi, những phương tiện kỹ thuật, tài chính bị sung vào phục vụ cho bộ máy chiến tranh. Nhiệm vụ chỉ đạo công cuộc trị thủy hầu như chỉ được vạch ra một cách hình thức. Tại các địa phương, trước đảo lộn của chính quyền, đặc biệt hoạt động mạnh mẽ của cao trào cách mạng tiền khởi nghĩa, các cấp chính quyền từ tỉnh đến làng xã gần như tê liệt, nhiều nơi xuất hiện tình trạng vô chính phủ. Toàn bộ các luật lệ, quy định pháp lý và việc điều hành, tuần phòng đê điều bị buông lỏng. Biến động của thời cuộc khiến người hữu trách cấp tổng và xã trước nhiệm vụ canh phòng và hộ đê hầu như bị bỏ mặc...

Trong bối cảnh giữa bối cảnh ấy, toàn bộ hệ thống đê điều Bắc Bộ bị sức ép của nước phá vỡ hàng loạt. Tài liệu hiện còn lưu trữ được, có tới 53 diêm thuộc hầu hết các đê trong hệ thống đê Bắc Bộ bị vỡ. Toàn Bắc Bộ trở thành một biển nước mênh mông với sức tàn phá khốc liệt của nạn lụt.

Tình trạng lũ lụt đã khiến cho toàn bộ cái gọi là chính quyền Trần Trọng Kim thân Nhật, từ trung ương đến các địa phương, vốn đang tan rã và hoảng loạn trước phong trào cách mạng càng tỏ ra bất lực trong việc tổ chức chống chọi với thiên tai. Theo tài liệu lưu trữ, trong báo cáo của ông Đỗ Xuân Hợp, chánh trưởng ban đê nhị thủy nông công chính lúc đó thì: "sự tuần phòng trong lúc đê nguy hiểm vào khoảng từ ngày mồng 8 đến 24 tháng 8, thì các nhà chức trách địa phương phần nhiều làm lơ, thậm chí có nhiều diêm canh không có một người phu nào; các lý dịch các làng, các ông hương ước cho chí các ông tinh trưởng, lắm người vì biết mình ở trong vòng lầm lỗi với quốc dân, nên sợ dám ra đến đê, đê vỡ cũng không biết". Trong khi đó quần chúng cách mạng với chính quyền mới tỏ sức mạnh và vai trò của mình đối với xã hội và thiên nhiên.

Ở rất nhiều nơi, nhất là tại các làng xã, nơi đang bị lũ lụt hoành hành đe dọa, cuộc nổi dậy giành quyền chính là sự huy động quần chúng tổ chức phòng hộ đê, khắc phục lũ lụt. Chính việc tổ chức này đã sớm khẳng định vai trò của chính quyền cách mạng trong đời sống xã hội. Trong nhiều trường hợp, trình lịch sử các địa phương, hiện tượng trên là phổ biến. Chẳng hạn như ở làng Phúc Âm (làng thuộc huyện Thanh trì, tỉnh Hà Đông cũ) "giữa lúc nạn đói như một thứ bệnh dịch chưa dứt thì ông Lão bị vỡ, nước dãn về cuối huyện, Làng Phúc Âm nhờ bé của chúng tôi bị lụt không biết, mẹ tôi bà Nguyễn Thị Tam, dân làng chúng tôi suy tôn là "nữ tướng cách mạng huyện Thanh Trì". Chúng tôi nhớ mãi hình ảnh người "nữ tướng cách mạng" ấy mặc quần soóc, đội mũ calô dạ màu

có úa, có đỉnh ngôi sao vàng Việt Minh đeo súng ngắn. Bà Tam kêu gọi dân làng chúng tôi chế nước lụt. Mọi nhà đều hưởng ứng, tất cả trai gái trong làng và những người ở độ tuổi sung sức đã hăng hái ngăn nước. Thay nhau canh giữ bảo vệ đê Quán Gánh để nước khỏi tràn vào mất lúa. Vì cuộc sống của chúng tôi sớm trở lại bình thường". Có biết bao làng quê ở đồng bằng Bắc Bộ, Việt Minh, cách mạng trở thành người đại diện của nhân dân. Chính quyền nhân dân non trẻ đã cho thấy rõ sức mạnh và vai trò lớn lao của mình như ở làng Phúc Ấm.

Sự kiện tiêu biểu hơn cả là việc tiến hành xử lý vận hành đập Đáy để phân lũ, ngày 17-8, trong cuộc tổng khởi nghĩa chưa diễn ra ở Hà Nội, chính quyền cách mạng chưa thiết lập được ở thành phố, nhưng đứng trước tình hình nguy ngập do nước dâng lên mạnh, cần thiết phải mở đập Đáy phân lũ. Không phải ai khác mà chính tổ chức cách mạng tại địa phương đã đứng ra cùng một nhân viên thực hiện công việc trọng đại này. 13h ngày 17-8, mực nước thượng lưu đập Đáy lên tới 13,30m (tương ứng với mực 11,86m tại Hà Nội), ta cho mở đập. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của chính quyền Việt Minh ở đây, các nhân viên có mặt tại đập và nhân dân địa phương đã cho mở đập liên tục 7h liền, mọi thao tác, tính toán kỹ thuật vốn rất phức tạp đã được xử lý thành công, theo đúng công trình thiết kế, mực nước sông hạ xuống còn 11,50m. Trong những báo cáo ghi lại hiện còn lưu giữ trong tâm lưu trữ, các nhà chuyên môn Pháp đánh giá rất cao việc mở đập Đáy đúng yêu cầu kỹ thuật. Sang ngày 18, nước sông lại dâng lên mạnh, các cửa đập đều được mở tới mức tối đa để kéo mực nước xuống 10,50m. Nhưng sang đến ngày 19-8, cửa đập số 1 lại lập lại căn bệnh cũ bị sập xuống. Vậy chính quyền địa phương vẫn kiên trì cho khắc phục sự cố, cố gắng hạn chế những hậu quả tai do thiên tai và những sai sót về kỹ thuật mà bọn thực dân để lại trong việc xây dựng công trình đập Đáy.

Chính thông qua việc phòng chống lũ lụt mà vai trò của chính quyền cách mạng thông qua Việt Minh được khẳng định. Trong tờ trình của Chánh trưởng ban đê nhị thủy nông công chánh lúc cũng đã ghi nhận: "Được anh em Việt Minh dẫn dắt, nên nhiều chỗ tình hình đê rất nguy ngập chốc lát là vỡ, nhưng chỉ một tiếng kêu gọi của các nhà chuyên môn, không ai bảo ai hỗ nhau ra giúp công giúp của làm thay đổi được ngay tình thế như đê ở Hải Phòng, Gia Lâm, Hà Nội, Sơn Tây . . ."

Nhận rõ vai trò, nhiệm vụ cấp thiết của mình, ngay sau khi ra mắt Ủy ban nhân dân cách mạng Bắc Bộ và Hà Nội đã bắt tay vào việc tổ chức, huy động nhân lực lên mặt đê chiến đấu chống giặc. Hưởng ứng lời kêu gọi của chính quyền cách mạng, số người xung phong hộ đê ở Hà Nội đã vượt mức dự định. Tại các địa phương khác tình hình cũng tương tự.

Việc hạp long, khắc phục những chỗ đê vỡ sau đó thực sự là một thử thách nghiêm trọng đối với nhân dân và chính quyền cách mạng non trẻ lúc đó. Theo tính toán của giới chuyên môn, số diện tích bị ngập úng ở Bắc Bộ do nạn vỡ đê lên tới 700.000 mẫu, tức khoảng 1/3 diện tích đã trồng cấy trên toàn vùng. Số người bị thiệt mạng và tài sản do giặc nước lũ tàn phá, cướp đi không sao có thể thống kê được. Do đó chính quyền cách mạng đã chủ trương huy động nhân dân, vật lực tìm mọi cách củng cố vững những chỗ đê cần thiết, và sau đó phải hàn khâu ngay những khúc đê vỡ để kịp vụ cấy và bảo vệ vụ mùa năm 1945; việc tiếp theo là phải đắp đê mới vòng quanh những nơi đê vỡ, tu bổ, củng cố những đoạn đê xung yếu. Công việc thật to lớn khẩn trương, đòi hỏi phải làm xong trước mùa lũ năm sau. Tổng chi phí cho hạp long tạm thời đã hết 2 triệu đồng (bằng toàn bộ số tiền ta thu được từ kho bạc nhà nước sau cách mạng). Chỉ riêng việc hàn khâu đê Mỹ Lộc và Hưng Nhân đã phải tiêu

00 đồng, 200 tấn gạo và 25.000m<sup>3</sup> đá học. Việc đắp lại những chỗ đê vỡ đòi hỏi khoản kinh phí triệu đồng; cuối cùng việc phục hồi, tu bổ toàn bộ hệ thống đê ở Bắc Bộ phải tiêu tới 30 triệu. Như vậy tổng kinh phí để khắc phục cơn lũ năm Ất Dậu lên tới 38 triệu đồng, gấp 19 lần số tiền trong ngân sách ban đầu. Đó là không kể những thiệt hại khác do cơn lũ đem lại. Chúng ta phải rằng công việc này phải tiến hành trong khi chính quyền cách mạng đang còn trứng nước, thù giặc ngoài và biết bao nguy nan đang rập rình kéo đến.

Mặc dù trong muôn vàn khó khăn của chính quyền cách mạng lúc đó, cùng với việc công bố danh chính phủ mới, Ban hộ đê đã được thành lập ngay do Chủ tịch Ủy ban hành chính Bắc Bộ Trần Xiển đứng đầu, cùng với Bộ Giao thông công chính vừa thành lập, tổ chức lực lượng hộ đê. Ủy động được sự tham gia tích cực và khẩn trương nhất của đông đảo nhân dân trong việc hộ đê, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gợi ý cho phép ban hộ đê được dẫn đầu việc hàn khâu đê vỡ và cùng cố đê yếu. Đồng thời huy động nhân dân lập quỹ thóc chữa đê bằng cách phân bổ vào diện tích ruộng công hữu của từng điền chủ. Toàn bộ công việc hết sức khó khăn và cũng hết sức bỡ ngỡ đối với chính quyền cách mạng non trẻ lúc đó. Và cũng chính thông qua nhiệm vụ đặc biệt khó khăn này, chính quyền cách mạng Việt Nam ngay từ đầu đã khẳng định được vai trò lớn lao của mình trước dân và lịch sử.

## CHÚ THÍCH

*Độc tài liệu, số liệu dùng trong bài viết này được tập hợp từ :*

*Tài liệu lưu trữ tại Cục Dữ báo, Tổng cục khí tượng thủy văn, Hà Nội.*

*Tài liệu lưu trữ kho lưu trữ TW Hà Nội : các hộp 48, tập 11-14; hộp 55, hồ sơ 36, tập 1-3.*

*Võ Nguyên Giáp, trong : Mở đầu kỷ nguyên tự do, Hồi ký, NXB Văn học, Hà Nội, 1980.*

*Hồ Chí Minh, toàn tập, tập IV, NXB Sự thật, Hà Nội, 1984.*

*Lịch sử thủ đô Hà Nội, Hà Nội 1960, tr. 27.*

*Phan Khánh : Sơ thảo lịch sử thủy lợi Việt Nam. tập I. NXB KHXH, Hà Nội 1981.*

*Phúc Ấm, 45 năm cách mạng. Ban chấp hành Đảng ủy xã Duyên Thái, UBND xã Duyên Thái, 1990 (Bản đánh máy).*

*Nguyễn Xiển - Công việc chữa đê và hộ đê từ cách mạng tháng Tám đến nay. Tạp chí TĐ quốc, số 382, VI - 1986.*